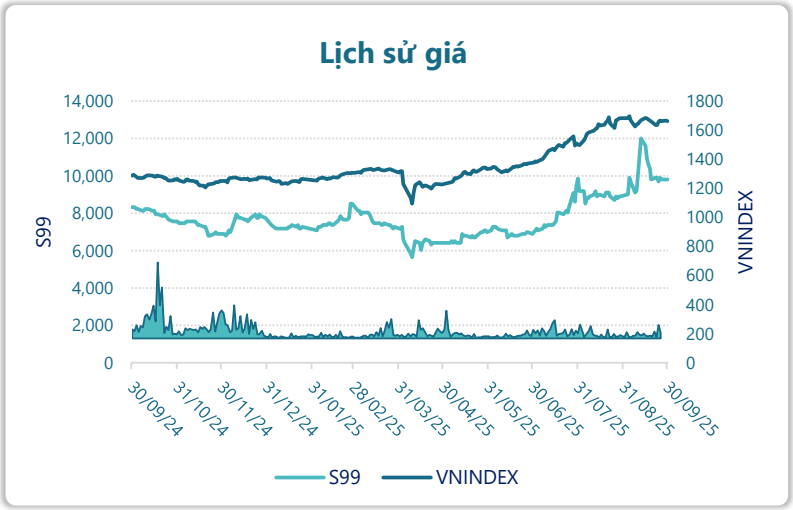
FireAnt

CTCP SCI (HNX: S99)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,646
SL cổ phiếu LH	104,088,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	688,150
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,020
P/E	18.1
EPS	542

DT thuần

Q3/25

521

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 21.7%

YoY: ▲ 157| 43.1%

LN sau thuế

Q3/25

36.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30| 0.7%

YoY: ▲ 25.3| 234%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

15.3%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

9T 2025

1,337

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 273| 25.6%

LN sau thuế

9T 2025

79.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0| 51.6%

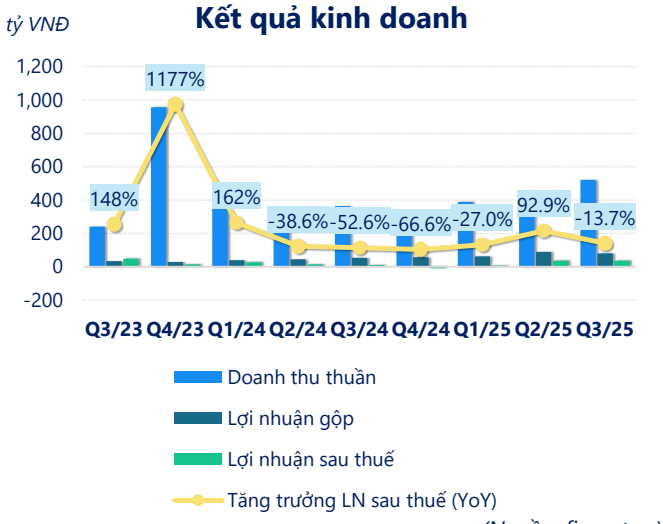
ROE

Q3/25

3.3%

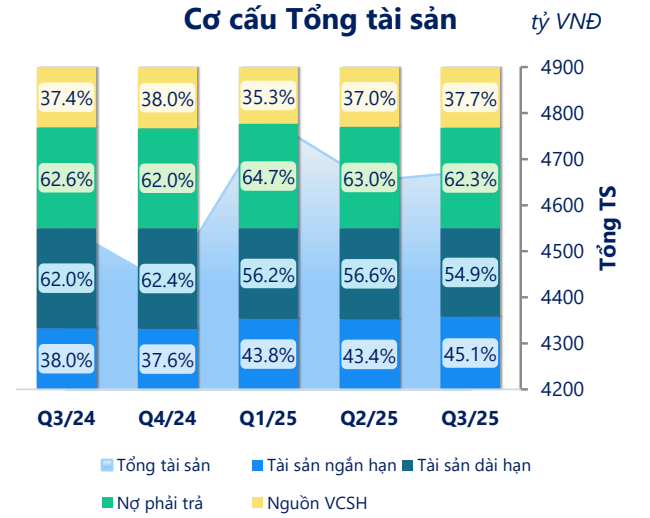
+/- YoY: ▼ 0.4%

Kết quả kinh doanh



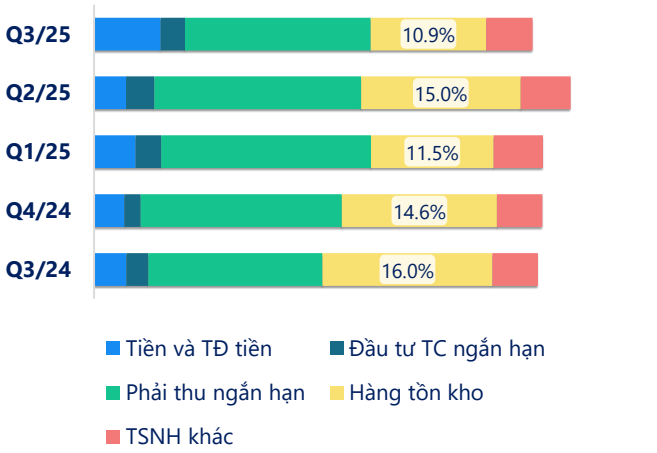
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



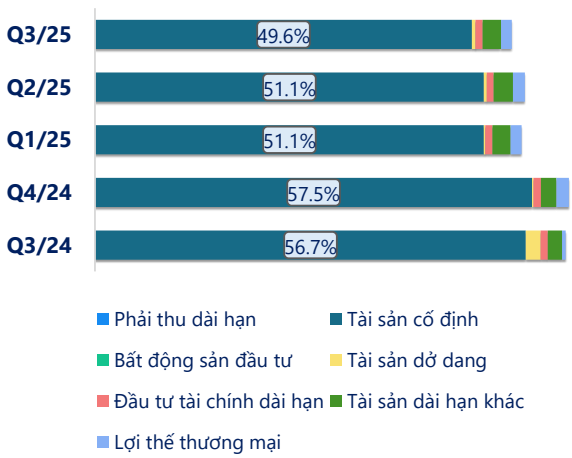
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



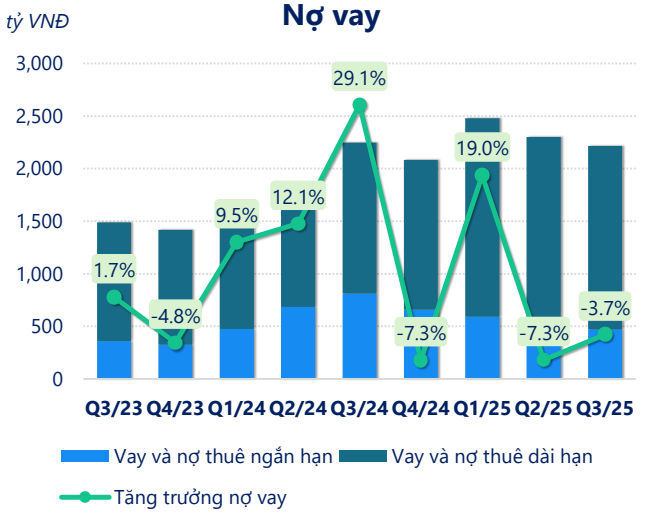
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



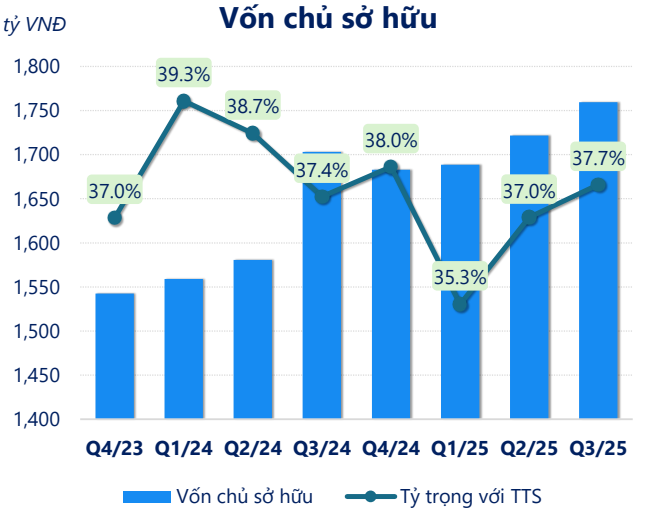
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



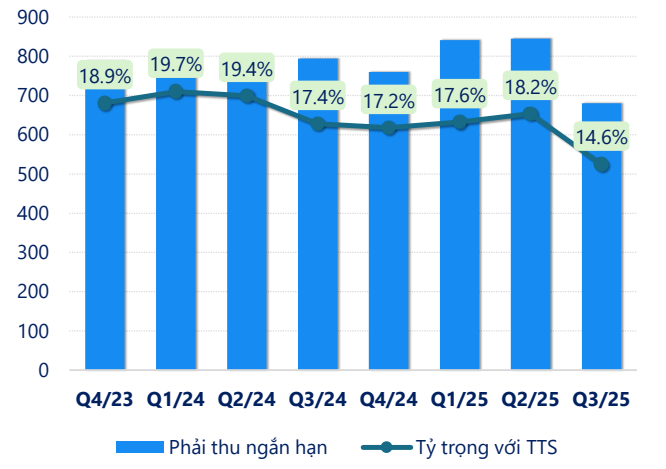
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



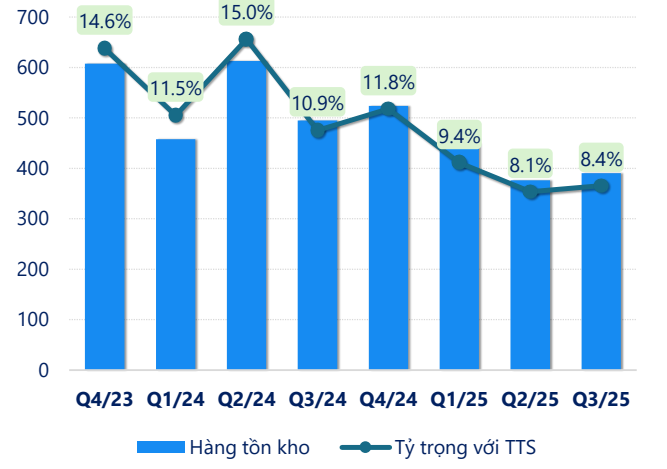
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



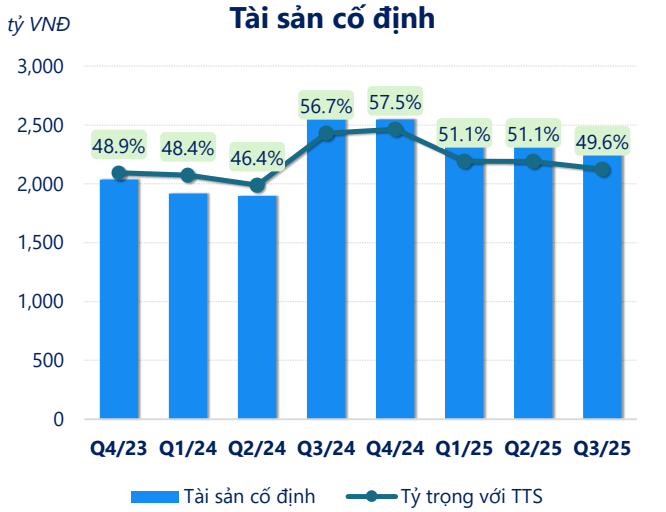
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



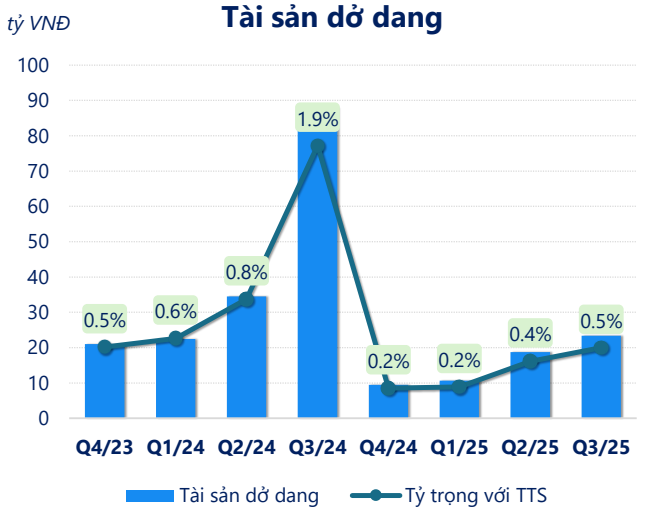
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



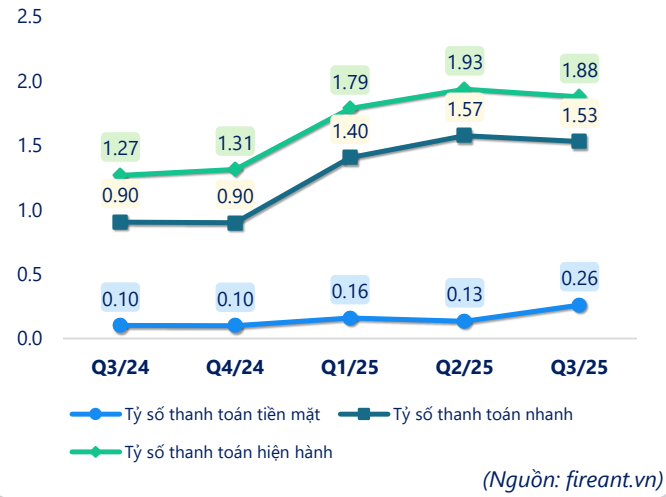
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



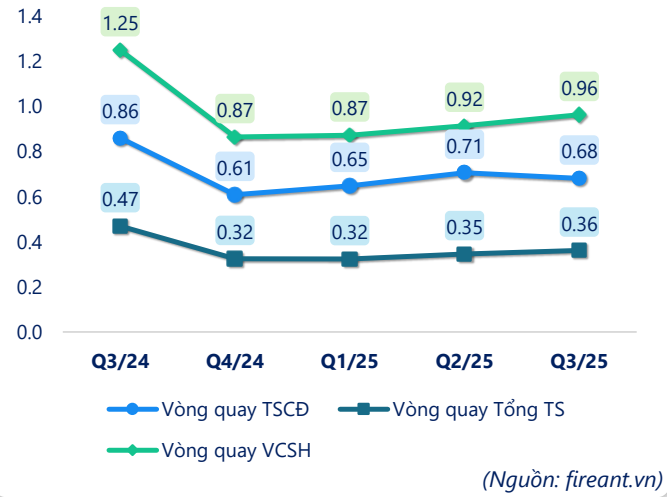
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,552**	**4,428**	**4,786**	**4,653**	**4,673**
Tài sản ngắn hạn	**1,731**	**1,665**	**2,098**	**2,020**	**2,108**
Tiền và tương đương tiền	138	126	186	140	292
Đầu tư tài chính ngắn hạn	106	57.4	417	462	545
Phải thu ngắn hạn	794	760	841	845	680
Hàng tồn kho	495	524	450	376	390
Tài sản ngắn hạn khác	198	197	204	197	200
Tài sản dài hạn	**2,821**	**2,764**	**2,688**	**2,633**	**2,565**
Phải thu dài hạn	1.53	1.46	1.40	1.61	1.49
Tài sản cố định	2,580	2,546	2,448	2,379	2,317
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	87.9	9.44	10.6	18.8	23.3
Đầu tư tài chính dài hạn	43.0	43.0	43.9	43.0	42.9
Tài sản dài hạn khác	86.2	89.7	115	118	114
Lợi thế thương mại	21.9	74.1	69.3	72.7	66.9
Nợ phải trả	**2,849**	**2,745**	**3,098**	**2,931**	**2,913**
Nợ ngắn hạn	**1,367**	**1,269**	**1,175**	**1,044**	**1,124**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	813	659	592	469	470
Phải trả người bán ngắn hạn	252	182	156	176	175
Nợ dài hạn	1,482	1,477	1,923	1,887	1,789
Vay và nợ thuê dài hạn	1,435	1,424	1,888	1,831	1,746
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,703**	**1,683**	**1,689**	**1,722**	**1,759**
Vốn chủ sở hữu	**1,703**	**1,683**	**1,689**	**1,722**	**1,759**
Vốn điều lệ	991	991	991	991	1,041
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)